

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **210/2023/HNGĐ-ST**
Ngày: 15/6/2023.
V/v tranh chấp: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tuấn Anh.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà **Nguyễn Thị Nhàn**

2/ Bà **Trần Thu Hồng**

Thư ký phiên tòa: ông **Phan Thanh Sang**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây: ông **Lê Thành Chí** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 06 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2022 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2023/QĐST-DS ngày 28/4/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây giữa các đương sự:

❖ Nguyên đơn: Chị **NGUYỄN CHÍ TH** - sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện G, Tiền Giang.

❖ Bị đơn: Anh **LÊ TẤN V** - sinh năm 1979.

Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện G, Tiền Giang.

❖ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

1/ Bà **NGUYỄN THỊ S** - sinh năm 1977.

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện G, Tiền Giang.

2/ Bà **HUỲNH THỊ CẨM L** - sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp K, xã Đ, huyện G, Tiền Giang.

3/ NGÂN HÀNG C

Địa chỉ: 169, Phố Linh Đường, Phường H, Quận H, Thành Phố Hà Nội

Đại diện theo Pháp Luật: Ông Dương Quyết T – Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Q – Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Gò Công Tây.

❖ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

1/ Ông **LÊ VĂN CH** – sinh năm 1959

Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện G, Tiền Giang.

2/ Bà **NGUYỄN THỊ K** – sinh năm 1960 (chết ngày 09/2/2022)

* Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị K

2.1/ Ông **LÊ VĂN CH** – sinh năm 1959

2.2 Anh **LÊ TẤN V** – sinh năm 1979

2.3 Chị **LÊ THỊ KIM L** – sinh năm 1986

Cùng địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện G, Tiền Giang.

2.4/ Chị **LÊ THỊ HỒNG D** – sinh năm 1981

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện G, Tiền Giang

2.5/ Chị **LÊ THỊ KIM TR** – sinh năm 1983

Địa chỉ: 221/3B Phan Văn Khỏe, phường 5, quận 6, thành phố Hồ Chí M

3. Bà **NGUYỄN THỊ TH** - sinh năm 1945

Địa chỉ: ấp K, xã Đ, huyện G, Tiền Giang

4/ Bà **VÕ THỊ K L** – sinh năm 1974

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang

5/ Ông **LÊ HOÀNG P** – sinh năm 1978

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện G, Tiền Giang

6/ Bà **HUỲNH THỊ K B** – sinh năm 1979

Địa chỉ: ấp Bình Hòa Long, xã B, huyện G, Tiền Giang

7/ Bà **NGUYỄN THỊ TH** – sinh năm 1966

Địa chỉ: ấp K, xã Đ, huyện G, Tiền Giang

8/ Chị **LÊ THỊ LỆ X** – sinh năm 2001

Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện G, Tiền Giang.

9/ Anh **TRẦN THANH H** – sinh năm 1992

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, Tiền Giang

10/ Anh **NGUYỄN VĂN M** – sinh năm 1963

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện G, Tiền Giang

11/ Chị **LÊ THỊ HỒNG D** – sinh năm 1981

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện G, Tiền Giang

12/ Chị **LÊ THỊ K L** – sinh năm 1986

Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện G, Tiền Giang.

(Chị Th có mặt, anh V, bà Võ Thị Kim L, bà Th, chị X vắng mặt, ông Q, bà S, bà L, ông Ch, chị D, chị L, chị Tr, bà Th, anh P, bà B, anh H, anh M xin vắng mặt)

NỘI D VU ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Chí Th trình bày: chị và anh Lê Tấn V cưới nhau vào năm 2000, có sự tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay cãi nhau. Đến ngày tháng 8/2021 anh V có người phụ nữ khác nên đánh đập, chửi mắng chị, nên mâu thuẫn càng trầm trọng. Chị và anh V sống ly thân từ tháng 8/2021 cho đến nay. Nay chị Th yêu cầu xin ly hôn với anh V.

- Về con chung: có 02 con chung tên Lê Thị Lệ X - sinh ngày 31/01/2001, Lê Thị Cẩm L – sinh ngày 28/11/2013. Hiện cháu X đã thành niên, còn cháu L đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu L, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có. Đối với các khoản nợ mà anh V trình bày thì chị không biết các chủ nợ cũng như số tiền anh V nợ, chị không ký tên vay mượn, tự ý anh V vay mượn thì anh V có trách nhiệm trả, chị không đồng ý chia đôi số nợ mà anh V trình bày.

* Tại văn bản lời khai của bị đơn anh Lê Tấn V trình bày: anh và chị Nguyễn Chí Th cưới nhau vào năm 2000, có sự tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay cãi nhau dẫn đến gia đình bất hòa. Nay chị Th yêu cầu xin ly hôn, phía anh V đồng ý ly hôn.

- Về con chung: có 02 con chung, tên Lê Thị Lệ X - sinh ngày 31/01/2001, Lê Thị Cẩm L – sinh ngày 28/11/2013. Hiện cháu X đã thành niên, còn cháu L đang sống với chị Th. Khi ly hôn anh đồng ý để chị Th được tiếp tục nuôi dưỡng cháu L, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: 01 căn nhà cấp 4 thô sơ có kết cấu mái lợp tôn, vách xây tường và vách lá, nền đất có diện tích khoảng 60m² do vợ chồng xây ở nhờ trên thửa đất số 202, tờ bản đồ số 23, diện tích 1.145m² loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp B, xã Đ,

huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang do cha mẹ ruột anh là ông Lê Văn Ch và bà Nguyễn Thị K đứng tên. Căn nhà này có giá trị 70.000.000 đồng. Anh yêu cầu chia đôi giá trị căn nhà nêu trên, anh nhận nhà và hoàn lại tiền cho chị Th; 01 tủ kiếng; 01 tủ lạnh; 300 gốc thanh long trồng trên phần đất thuê của bà Nguyễn Thị Th. Khi ly hôn anh yêu cầu chia đôi anh nhận hiện vật và giao lại tiền cho chị Th.

Về nợ chung: nợ Lê Thị Hồng D 06 chỉ vàng 24K để trồng thanh long; nợ Lê Thị Kim L 36.000.000 đồng (để mua laptop cho con gái Lê X 16.000.000 đồng và 20.000.000 đồng để mua thức ăn nuôi vịt); nợ Huỳnh Thị Cẩm L 23.252.000 đồng tiền vật tư nông nghiệp để trồng thanh long; nợ Lê Hoàng P 23.900.000 đồng tiền thức ăn chăn nuôi vịt; nợ Trần Thanh H 86.141.000 đồng tiền thức ăn chăn nuôi vịt; nợ Võ Thị Kim L 26.465.000 đồng tiền thức ăn chăn nuôi gà; nợ Nguyễn Thị S 17.072.000 đồng tiền vật tư nông nghiệp để trồng lúa; nợ Huỳnh Thị Kim B 7.034.000 đồng tiền vật tư nông nghiệp để trồng lúa; nợ Nguyễn Thị Th 36.593.000 đồng tiền vật tư nông nghiệp để trồng thanh long; nợ Nguyễn Văn M 100.000.000 đồng để trả tiền thuê đất trồng thanh long của bà Nguyễn Thị Th; nợ Ngân hàng C huyện Gò Công Tây 20.000.000 đồng. Khi ly hôn anh yêu cầu chia đôi số nợ này.

* Tại văn bản lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Nguyễn Thị S trình bày: từ năm 2019 đến tháng 12/2020 anh V có đến cửa hàng của bà mua vật tư nông nghiệp nhiều lần tổng nợ là 22.072.000 đồng, có trả một lần là 5.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu anh V, chị Th trả liên đới trả số tiền còn nợ là 17.072.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, trả ngay khi án có hiệu lực.

* Tại văn bản lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Huỳnh Thị Cẩm L trình bày: khoảng tháng 10, 11 Lê Tấn V có đến cửa hàng vật tư nông nghiệp của bà mua thuốc trừ sâu bằng tiền mặt. Ngày 16/12/2020 đến ngày 29/4/2021 thì Lê Tấn V mua thiếu lại với tổng số tiền là 23.252.000 đồng. Nay bà yêu cầu vợ chồng Lê Tấn V và Nguyễn Chí Th trả lại cho bà số tiền 23.252.000 đồng.

* Tại văn bản lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập Ngân hàng C trình bày: nguyên vào ngày 13/4/2019 Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Gò Công Tây có phê duyệt cho hộ ông Lê Tấn V tại ấp B, xã Đ, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang vay số tiền 20.000.000 đồng, mã món vay 6600000715115994, lãi suất 9%/năm, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 13/4/2024, với mục đích cải tạo công trình nước sạch và vệ sinh môi trường thuộc chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; là thành viên tổ tiết kiệm và vay vốn do ông Trần Hoàng Tâm làm tổ trưởng thuộc Hội nông dân xã Đ quản lý. Theo hợp đồng 6600000715115994 ngày 13/4/2019 thỏa thuận giữa Ngân hàng và hộ vay là 6 tháng trả nợ gốc 01 lần, số tiền trả mỗi lần là 2.200.000 đồng, kỳ trả đầu tiên vào ngày 13/4/2020, kỳ cuối cùng 2.400.000 đồng và thực hiện trả lãi suất kể từ ngày 13/5/2019. Hiện nay hộ anh Lê Tấn V còn nợ Ngân hàng C số tiền vốn gốc là 20.000.000 đồng và lãi tạm tính đến ngày 18/5/2022 là 700.000 đồng. Nay Ngân hàng yêu cầu chấm dứt hợp đồng tín dụng số 6600000715115994 ngày 13/4/2019 giữa Ngân hàng C, Phòng giao dịch huyện Gò Công Tây và hộ ông Lê Tấn V do hộ ông Lê Tấn V và chị Nguyễn Chí Th xin giải quyết ly hôn và phân chia nợ. Yêu cầu anh Lê

Tấn V, chị Nguyễn Chí Th, chị Lê Thị Lệ X có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng số tiền vốn gốc là 20.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng vay đã được ký kết cho đến khi hộ ông Lê Tấn V hoàn trả tất nợ cho ngân hàng, lãi tạm tính đến ngày 18/5/2022 là 700.000 đồng, yêu cầu trả vốn và lãi khi án có hiệu lực pháp luật.

* Tại văn bản lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Th trình bày: bà có cho anh Lê Tấn V mượn ruộng trồng thanh long thời hạn là 10 năm, anh Lê Tấn V mượn ruộng năm 2018 còn 05 năm nữa là hết kỳ hạn phải trả ruộng sang mặt bằng lại cho bà. Chị Nguyễn Chí Th không có mượn ruộng của bà, anh Lê Tấn V đã trả đủ 60.000.000 đồng cho bà rồi. Nay bà không có ý kiến hay yêu cầu gì.

* Tại văn bản lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Ch trình bày: Lê Tấn V là con của ông và bà Nguyễn Thị K, bà K chết ngày 09/2/2022, ông và bà K có 4 người con là Lê Tấn V, Lê Thị Hồng D, Lê Thị Kim Tr và Lê Thị Kim L. Cha mẹ bà K là cụ Nguyễn Văn K và cụ Nguyễn Thị H đã chết. Ông và bà K là chủ sử dụng phần đất diện tích 60m² thuộc thửa 202, tờ bản đồ số 23, diện tích 1.145m² loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp B, xã Đ, huyện Gò Công tây, tỉnh Tiền Giang. Năm 2002 vợ chồng ông cho vợ chồng V, Th cất 01 căn nhà cấp 4 thô sơ có kết cấu mái lợp tôn, vách xây tường và vách lá, nền đất có diện tích khoảng 60m² để ở. Ông và bà K chỉ cho vợ chồng V, Th cất nhà để ở chứ không có cho đất V, Th. Nay ông không có ý kiến gì về việc chia tài sản là căn nhà trên đất, ông đồng ý cho V quản lý căn nhà và chia ½ giá trị căn nhà trên cho chị Th. Do sức khỏe không tốt lại bận việc nên ông xin vắng mặt tại Tòa.

* Tại văn bản lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Kim L trình bày: chị là con của ông Lê Văn Ch và bà Nguyễn Thị K. Nay chị thống nhất theo ý kiến của ông Ch tại Tòa, chị không có ý kiến gì và yêu cầu gì trong vụ kiện, đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật. Do bận việc nên chị xin vắng mặt tại Tòa.

* Tại văn bản lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Kim B trình bày: bà có bán vật tư nông nghiệp cho anh Lê Tấn V để anh V trồng lúa, hiện anh V còn nợ bà số tiền là 7.034.000 đồng, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, bà và anh V tự thỏa thuận.

* Tại văn bản lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Thanh H trình bày: anh Lê Tấn V có mua thức ăn chăn nuôi ở cửa hàng của anh, anh V còn nợ lại số tiền 86.141.000 đồng, đến nay anh V vẫn chưa hoàn trả số tiền này cho anh. Nay anh Lê Tấn V và chị Nguyễn Chí Th ly hôn, anh không yêu cầu độc lập trong vụ án này, vì để anh và anh V tự thỏa thuận bên ngoài.

* Tại văn bản lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn M trình bày: anh Lê Tấn V có nhờ anh vay dùm số tiền 100.000.000 đồng, đến nay anh V vẫn chưa hoàn trả số tiền này cho anh. Nay anh Lê Tấn V và chị Nguyễn Chí Th ly hôn, anh không yêu cầu độc lập trong vụ án này, vì để anh và anh V tự thỏa thuận bên ngoài.

* Tại văn bản lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Hoàng Ph trình bày: anh Lê Tấn V có nợ anh số tiền 23.900.000 đồng tiền thức ăn chăn nuôi vịt. Hiện nay anh không có kiện anh V trong vụ kiện này. Do bận việc nên xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Hồng D, Lê Thị Kim Tr Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị D và chị Tr, nhưng chị D và chị Tr không trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu giải quyết nợ chung giữa anh V với chị Th. Chị D và chị Tr có đơn xin vắng mặt trong vụ án này.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Thị Kim L, Nguyễn Thị Th, Lê Thị Lệ X đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà L, bà Th, chị X, nhưng bà L, bà Th chị X không đến Tòa án và cũng gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu giải quyết nợ chung của anh Lê Tấn V và Ngân hàng C.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn chị Nguyễn Chí Th vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Lê Tấn V; về con chung: chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng Lê Thị Cẩm L – sinh ngày 28/11/2013, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: không có.

Bị đơn anh Lê Tấn V vắng mặt;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Nguyễn Thị S, Huỳnh Thị Cẩm L xin xét xử vắng mặt.

Đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc Ngân hàng C là ông Nguyễn Văn Q xin vắng mặt, nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu anh Lê Tấn V, chị Nguyễn Chí Th, chị Lê Thị Lệ X liên đới trả cho ngân hàng số tiền vốn gốc là 20.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 15/6/2023 là 464.399 đồng yêu cầu trả vốn và lãi khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Ch, chị Lê Thị Hồng D, chị Lê Thị Kim Tr, chị Lê Thị Kim Liên, bà Nguyễn Thị Th, anh Lê Hoàng P, bà Huỳnh Thị Kim B, anh Trần Thanh H, anh Nguyễn Văn M xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Kim L, bà Nguyễn Thị Th, chị Lê Thị Lệ X vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Chí Th; về con chung giao cho chị Nguyễn Chí Th tiếp tục nuôi dưỡng Lê Thị Cẩm L – sinh ngày 28/11/2013, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của anh V;

Về nợ chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C, bà Nguyễn Thị S, bà Huỳnh Thị Cẩm L. Buộc chị Nguyễn Thị Th, anh Lê Tấn V và chị Lê Thị Lệ X liên đới trả cho Ngân hàng C số tiền vốn gốc là 20.000.000 đồng và tiền lãi là 464.399

đồng, tổng cộng là 20.464.399 đồng; Buộc chị Nguyễn Chí Th và anh Lê Tấn V liên đới trả cho bà Nguyễn Thị S số tiền 17.072.000 đồng; Buộc chị Nguyễn Chí Th và anh Lê Tấn V liên đới trả cho bà Huỳnh Thị Cẩm L 23.252.000 đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật. Đối với các khoản nợ của Lê Thị Hồng D, Lê Thị Kim L, Võ Thị Kim L, Huỳnh Thị Kim B, Nguyễn Thị Th, Trần Thanh H, Nguyễn Văn M, Lê Hoàng P đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, sau này nếu có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cùng lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xác định quan hệ đang tranh chấp là xin ly hôn.

[1] Xét người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập Ngân hàng C đại diện là ông Nguyễn Văn Q, bà Nguyễn Thị S, Huỳnh Thị Cẩm L; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Ch, chị Lê Thị Hồng D, chị Lê Thị Kim Tr, chị Lê Thị Kim Liên, bà Nguyễn Thị Th, anh Lê Hoàng P, bà Huỳnh Thị Kim B, anh Trần Thanh H, anh Nguyễn Văn M xin vắng mặt có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt ông Q, bà S, bà L, ông Ch, chị D, chị L, chị Tr, bà Th, anh P, bà B, anh H, anh M.

[2] Xét bị đơn anh Lê Tấn V, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Kim L, bà Nguyễn Thị Th, chị Lê Thị Lê X đã được triệu tập xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh V, bà L, bà Th, chị X.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Chí Th là có cơ sở. Vì chị Nguyễn Chí Th và anh Lê Tấn V cưới nhau vào năm 2000, được sự tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ số 24 ngày 27/10/2000. Quá trình chung sống giữa chị Th và anh V hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Đời sống chung kéo dài đến tháng 8/2021 thì chị Th và anh V sống ly thân cho đến nay, mà giữa chị Th, anh V vẫn không hàn gắn được tình cảm. Cho thấy mâu thuẫn giữa chị Th, anh V đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài. Tại văn bản lời khai anh V cũng đồng ý ly hôn với chị Th. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Th và anh V là phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: chị Th và anh V thống nhất để chị Th tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lê Thị Cẩm L – sinh ngày 28/11/2013. Xét sự thỏa thuận này của chị Th và anh V là tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng của cháu L, đồng thời cũng phù hợp với Điều 81 luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Đối với cháu Lê Thị Lê X - sinh ngày 31/01/2001 đã thành niên chị Th và anh V không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: chị Th không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh V yêu cầu chia đôi tài sản chung nhưng anh V vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của anh V.

[7] Về nợ chung: Ngân hàng C yêu cầu anh V, chị Th, chị X liên đới trả số tiền vốn gốc là 20.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 15/6/2023 là 464.399 đồng. Xét yêu cầu này của Ngân hàng là có cơ sở, vì đây là tiền vay để thực hiện cải tạo công trình nước sạch và vệ sinh môi trường để phục vụ nhu cầu sinh hoạt thiết yếu của hộ gia đình anh Lê Tấn V và chị Nguyễn Chí Th trong thời kỳ hôn nhân. Theo sổ vay vốn thì người vay là anh V và người thừa kế là chị Th cùng được sự ủy quyền của chị Th, chị X, nên xác định đây nợ chung của hộ gia đình anh V, chị Th, chị X. Phía anh V, chị Th, chị X đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên cần buộc anh V, chị Th, chị X liên đới trả số tiền vốn và lãi 20.464.399 đồng cho Ngân hàng C.

7.1 Đối với bà Nguyễn Thị S yêu cầu anh Lê Tấn V và chị Nguyễn Chí Th liên đới trả số tiền 17.072.000 đồng; bà Huỳnh Thị Cẩm L yêu cầu anh Lê Tấn V và chị Nguyễn Chí Th liên đới trả số tiền 23.252.000 đồng. Xét yêu cầu này bà S và bà L là có cơ sở vì số nợ này là anh V mua vật tư nông nghiệp để trồng thanh long từ năm 2019 đến tháng 4/2021 trong thời kỳ hôn nhân của chị Th và anh V. Chị Th cho rằng việc anh V mua vật tư nông nghiệp trồng thanh long là anh V tự ý mua, việc anh V trồng thanh long chị không đồng ý, và trong cuộc sống hôn nhân mạnh ai nấy lo, nên chị Th không đồng ý trả. Xét ý kiến này của chị Th là không có cơ sở vì chị không có chứng cứ gì chứng minh trong cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh V tự thân ai nấy lo mà không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Việc anh V thuê đất của bà Th cũng là mẹ ruột của chị Th để trồng thanh long với mục đích cũng phục vụ cho phát triển kinh tế gia đình, phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do đó, số nợ của bà S và bà L là nợ chung của vợ chồng nên cần buộc chị Th, anh V cùng liên đới trả cho bà S và bà L số nợ này.

7.2 Đối với các số nợ của Lê Thị Hồng D 06 chỉ vàng 24K, Lê Thị Kim L 36.000.000 đồng, Võ Thị Kim L 26.465.000 đồng, Huỳnh Thị Kim B 7.034.000 đồng, Nguyễn Thị Th 36.593.000 đồng, Trần Thanh H 86.141.000 đồng, Nguyễn Văn M 100.000.000 đồng, Lê Hoàng Ph 23.900.000 đồng, nhưng bà Lê Thị Hồng D, bà Lê Thị Kim L, bà Võ Thị Kim L, bà Huỳnh Thị Kim B, bà Nguyễn Thị Th, anh Trần Thanh H, anh Nguyễn Văn M, anh Lê Hoàng Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này giữa bà Lê Thị Hồng D, bà Lê Thị Kim L, bà Võ Thị Kim L, bà Huỳnh Thị Kim B, bà Nguyễn Thị Th, anh Trần Thanh H, anh Nguyễn Văn M, anh Lê Hoàng Ph với chị Th, anh V có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ án khác.

[8] Đối với ông Lê Văn Ch và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị K là ông Lê Văn Ch, anh Lê Tấn V, Lê Thị Hồng D, Lê Thị Kim L, Lê Thị Kim Tr không có yêu cầu gì và Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của anh V nên không ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Ch, chị D, chị L, chị Tr nên không xem xét.

[9] Đối với bà Nguyễn Thị Th là người cho anh V thuê đất để trồng thanh long, nhưng chưa đến hạn, phía bà Th đồng ý cho anh V tiếp tục thuê đất để trồng thanh long, bà Th không có yêu cầu gì nên không xem xét.

[10] Về án phí: do chị Th là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị Th phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, chị Th, anh V, chị X có nghĩa vụ với người thứ ba nên phải chịu án phí theo quy định tại điểm a, b khoản 5 và điểm a khoản 6, điểm b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[11] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều Điều 175, 177, 227, 228, 233, 235, 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng vào các Điều 55, 27, 33, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng các điểm a, b khoản 5 và điểm a khoản 6, điểm b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử: 1/ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Chí Th.

Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Chí Th và anh Lê Tấn V.

2/ Về con chung: giao cho chị Nguyễn Chí Th được tiếp tục nuôi dưỡng Lê Thị Cẩm L – sinh ngày 28/11/2013 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi, lao động được. Anh Lê Tấn V không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Lê Tấn V được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

3/ Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu giải quyết chia tài sản chung của anh Lê Tấn V

4/ Về nợ chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C.

Buộc anh Lê Tấn V, chị Nguyễn Chí Th và chị Lê Thị Lệ X có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng C số tiền vốn gốc là 20.000.000 đồng và tiền lãi là 464.399 đồng, tổng cộng là 20.464.399 đồng, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 16/6/2023 anh Lê Tấn V, chị Nguyễn Chí Th và chị Lê Thị Lệ X còn phải tiếp tục chịu lãi theo mức lãi suất của Hợp đồng tín dụng số 6600000715115994 ngày 13/4/2019.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S

Buộc anh Lê Tấn V và chị Nguyễn Chí Th có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị S số tiền **17.072.000** đồng (mười bảy triệu không trăm bảy mươi hai nghìn đồng) khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Cẩm L

Buộc anh Lê Tấn V và chị Nguyễn Chí Th có trách nhiệm liên đới trả cho bà Huỳnh Thị Cẩm L số tiền **23.252.000** đồng(hai mươi ba triệu hai trăm năm mươi hai nghìn đồng) khi bán án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5/ Về án phí:

- Chị Nguyễn Chí Th phải chịu **300.000** đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và **1.008.000** đồng án phí dân sự trong hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào **300.000** đồng tiền tạm ứng án phí mà chị Th đã nộp theo biên lai thu số 0005956 ngày 11/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây. Do đó, chị Th còn phải nộp tiếp **1.008.000** đồng.

- Anh Lê Tấn V phải chịu **1.008.000** đồng án phí dân sự trong hôn nhân sơ thẩm,

- Sung vào công quỹ Nhà nước **1.300.000** đồng tiền tạm ứng án phí mà anh V đã nộp theo biên lai thu số 0006067 ngày 22/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây

Chị Nguyễn Chí Th, anh Lê Tấn V và chị Lê Thị Lệ X phải chịu **1.023.200** đồng án phí dân sự trong hôn nhân.

Hoàn lại bà Huỳnh Thị Cẩm L **581.300** đồng tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp theo biên lai thu số 0006145 ngày 21/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây.

Hoàn lại bà Nguyễn Thị S **426.800** đồng tiền tạm ứng án phí mà bà S đã nộp theo biên lai thu số 0006140 ngày 20/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây.

Ngân hàng C được miễn miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

Báo nguyên đơn có mặt biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Báo các đương sự vắng mặt biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt án văn hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- THA.DS huyện Gò Công Tây
- UBND xã Đ
- Các đương sự.
- Lưu: hồ sơ, án văn.

Nguyễn Văn Tuấn Anh

